TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08.3.2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Thái Ánh Trinh
2. Ông Nguyễn Văn Đông
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Ông Võ Long Hải - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-ST ngày 21.01.2019, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị ***Bùi Thị Thu T*** sinh năm 1978
Nơi cư trú: khu phố A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn*: Anh ***Nguyễn Thanh R*** sinh năm 1983
Trú tại: khu vực X, phường Y, quận Z, thành phố Cần Thơ.
3. *Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*:
3.1. Cháu ***Nguyễn Thanh M*** sinh ngày 25.8.2002
(đang sống với chị T; và do chị Thúy là người giám hộ).
3.2. Cháu ***Nguyễn Thanh N*** sinh ngày 25.5.2009
(đang sống với anh R; và do anh R là người giám hộ).

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22.11.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T trình bày*:

Chị với anh Nguyễn Thanh R tự nguyện yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân xã Y, huyện T, tỉnh Cần Thơ cũ nay là phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ ngày 30.7.2004. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình chồng, sau đó

cất nhà sống riêng trên phần đất của cha mẹ chồng tại khu vực X, phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ từ đó đến khi vợ chồng ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau mà anh R thường xuyên đánh chị gây thương tích nên từ năm 2016 chị T bỏ nhà đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh sống ly thân với anh R từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh M, sinh ngày 25.8.2002 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25.5.2009. Hiện cháu M đang sống với mẹ còn cháu R đang sống với cha và ông bà nội tại khu vực X, phường Y, quận T.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh R.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung Nguyễn Thanh M và Nguyễn Thanh N đến trưởng thành. Yêu cầu anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M đến khi cháu đủ 18 tuổi, số tiền cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

** Tại tờ tự khai ngày 08.01.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Nguyễn Thanh R trình bày*:

Anh thống nhất vợ chồng quen biết và yêu thương nhau từ năm 2001, đến năm 2004 thì anh chị được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Cần Thơ cũ nay là phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh M, sinh ngày 25.8.2002 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25.5.2009. Hiện cháu M đang sống với mẹ còn cháu N đang sống với cha và ông bà nội tại khu vực X, phường Y, quận T.

Anh thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do thường xuyên xảy ra cự cải, trước đây anh có đánh chị T dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý mà anh yêu cầu được đoàn tụ để cùng lo tương lai cho của các con.

- *Về con chung*: Nếu giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.

** Tại tờ tự khai ngày 08.01.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Thanh M trình bày*: Cháu là con của cha là Nguyễn Thanh R và mẹ là Bùi Thị Thu T. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ và làm thuê tại địa chỉ khu phố A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Nay cha

mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được sống với mẹ đến trưởng thành, không yêu cầu cha cấp dưỡng nuôi con.

** Tại tờ tự khai ngày 08.01.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Thanh N trình bày*: Cháu là con của cha là Nguyễn Thanh R và mẹ là Bùi Thị Thu T. Hiện nay cháu đang sống chung với cha tại khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ. Nay cha mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được sống với mẹ đến trưởng thành, không yêu cầu cha cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Chị T yêu cầu ly hôn với anh R; Yêu cầu được quyền nuôi cháu M đến trưởng thành, đồng ý ổn định cho anh R được quyền nuôi cháu N đến trưởng thành. Yêu cầu đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do; Cháu Nguyễn Thanh N đồng ý tiếp tục sống với cha, không yêu cầu mẹ là chị T cấp dưỡng.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh R; Ổn định cho chị T được quyền tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thanh M đến trưởng thành, cho anh R được quyền tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thanh N đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Bùi Thị Thu T với anh Nguyễn Thanh R tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Cần Thơ cũ nay là phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Thanh R đã được Tòa án tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh R vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh R chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau mà hay xảy ra cự cải, anh R không quan tâm chăm sóc vợ con mà thường xuyên đánh đập chị nên vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2016 đến nay; Bị đơn anh Nguyễn Thanh R thừa nhận vợ chồng thường hay cự cải, không tin tưởng nhau, anh thừa nhận có đánh chị T nhưng không thường xuyên. Nên từ năm 2016 chị T đi làm thuê và sống ly thân anh từ đó đến nay. Tuy nhiên hiện nay anh còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, thời gian ly thân anh R không có biện pháp để hàn gắn, đoàn tụ với chị T, tại phiên tòa chị T kiên quyết ly hôn. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị T với anh R đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh R là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Thanh M, sinh ngày 25.8.2002 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25.5.2009. Cháu M đang sống với mẹ, còn cháu N đang sống với cha và ông bà nội. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Theo đó, tại phiên tòa, chị T yêu cầu được nuôi cháu M, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con; Anh R vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh R yêu cầu được nuôi 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, hiện nay cháu M đang sống với chị Thúy còn cháu N đang sống với anh R và ông bà nội nên cần thiết ổn định quyền nuôi con cho chị T và anh R như hiện trạng thực tế là phù hợp nguyện vọng của các cháu và có căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Hơn nữa điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của các con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh R.

1. *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh R.

2. *Về con chung*: Chị Bùi Thị Thu T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thanh M, sinh ngày 25.8.2002 đến trưởng thành. Anh Nguyễn Thanh R được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25.5.2009 đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng cho con.

Anh R, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh R, chị T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Bùi Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004405 ngày 21.12.2018 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường Y (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền